TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày 28 tháng 3 năm 2019
V/V: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngọ Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thu Hương

2, Ông Hoàng Văn Tuân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Mai Hương - Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B**:** Ông Hoàng Văn Đĩnh - Kiểm sát viên

Trong ngày 28/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST – DS ngày 20/02/2019, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân Hàng chính sách xã hội

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Chí T - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang. Theo Quyết định số 99/QĐ-BĐD ngày 20/10/2015 của Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤÁN

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Chí T trình bày: Ông là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết việc kiện tại Tòa án theo Quyết định số 99/QĐ-BĐD ngày 20/10/2015 của Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án.

Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang có cho bà Vũ Thị H, sinh năm 1961, địa chỉ tại T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang vay số tiền

25.000.000 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số 05030803/KƯ ngày 26/12/2008, theo chương trình cho vay xuất khẩu lao động, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần; số tiền trả nợ 8.000.000 đồng/lần; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 26/12/2011; lãi suất cho vay 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, tiền lãi trả định kỳ hàng quý, vào ngày 10 hàng quý. Người thừa kế khoản vay của bà H là anh Nguyễn Thế D là con của bà H, bà H vay để cho anh D đi xuất khẩu lao động.

Sau khi khoản vay của bà H quá hạn, Ngân hàng có thông báo cho bà H biết, tại biên bản làm việc ngày 30/9/2013 Ngân hàng có làm việc với anh D thì được biết bà Vũ Thị H đã chết, anh D có cam kết trả nợ cho Ngân hàng đối với khoản vay của bà H vào ngày 20 hàng tháng với số tiền trả 1.000.000 đồng, anh D đã trả cho Ngân hàng được 1.000.000 tiền gốc. Hiện nay anh D ở đâu Ngân hàng không rõ địa chỉ, Ngân hàng có liên lạc với anh D qua điện thoại.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh D là người thừa kế khoản vay của bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/3/2019 là 44.201.396 đồng, trong đó tiền gốc là 23.000.0000 đồng, tiền lãi là 21.201.396 đồng.

Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

+ Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2018, chính quyền địa phương tổ dân phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cung cấp như sau: Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 1988, con ông Nguyễn Văn V, con bà Vũ Thị H, gia đình anh D thuộc đối tượng hộ nghèo. Bà H chết năm 2012, ông V chết năm 2014 còn anh D không có mặt ở địa phương, hiện nay anh D ở đâu địa phương cũng không rõ.

+ Tòa án đã niêm yết toàn bộ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và các giấy tờ khác của Tòa án tại nơi anh D đăng ký hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật, nhưng anh D không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng không hòa giải được vì anh D vắng mặt không có lý do.

+ Ngày 11/3/2019 Tòa án hoãn phiên tòa vì bị đơn là anh Nguyễn Thế D vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

+ Tại phiên tòa hôm nay anh D tiếp tục vắng mặt không có lý do, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố

tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến giải quyết vụ án: Buộc anh Nguyễn Thế D phải trả số tiền gốc và lãi còn nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tạm tính đến ngày 28/3/2019 theo như giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số 05030803/KƯ ngày 26/12/2008, tổng số tiền là 44.201.390 đồng, trong đó tiền gốc là 23.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 21.201.390 đồng; Về án phí: Anh D được miễn án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo như đơn khởi kiện và xác minh tại địa phương thì anh Nguyễn Thế D có địa chỉ tại tổ dân phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017, thì: "...Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cố tình dấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung...". Anh D không có mặt tại địa phương và không thông báo địa chỉ cho Ngân hàng là cố tình dấu địa chỉ. Tòa án thành phố B đã niêm yết toàn bộ giấy tờ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Thế D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với quy định tại các Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Chính sách xã hội và bà Vũ Thị H là quan hệ dân sự giữa pháp nhân với cá nhân. Bà Vũ Thị H là mẹ của anh Nguyễn Thế D có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 25.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 26/12/2008. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/12/2011. Do bà H là mẹ của anh D chết, anh D là người thừa kế của bà H và cùng ký vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số 05030803/KƯ ngày 26/12/2008. Số tiền Ngân hàng chính sách xã hội cho bà H vay là dùng vào việc cho anh D đi xuất khẩu lao động tại nước MALAYSIA. Sau khi bà H chết anh D

có cam kết trả nợ cho Ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng tiền gốc, anh D đã trả được 2.000.000 đồng tiền gốc, đến nay anh D chưa trả được cho Ngân hàng. Do anh D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng khởi kiện đối với anh D tại Tòa án thành phố B. Đây là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu anh Nguyễn Thế D thanh toán số nợ phát sinh từ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số 05030803/KƯ ngày 26/12/2008 tổng số tiền là 44.201.390 đồng, trong đó tiền gốc là 23.000.000 đồng, tiền lãi 21.201.390 đồng, thì thấy: Theo các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự, đủ cơ sở để xác định bà Vũ Thị H có vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 25.000.000 đồng, tính đến ngày 28/3/2019, bà H do anh D là người thừa kế còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số nợ theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số 05030803/KƯ ngày 26/12/2008 như Ngân hàng đã yêu cầu. Việc bị đơn không thanh toán nợ là vi phạm mục II của giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số 05030803/KƯ ngày 26/12/2008. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội là phù hợp với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, do vậy anh Nguyễn Thế D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do anh D thuộc diện hộ nghèo do vậy anh D được miễn tiền án phí là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Buộc anh Nguyễn Thế D phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội, theo như giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số 05030803/KƯ ngày 26/12/2008, số tiền tính đến ngày 28/3/2019 là 44.201.390 đồng (Bốn mươi bốn triệu hai trăm linh một nghìn ba trăm chín mươi đồng), trong đó tiền gốc là 23.000.000 đồng, tiền lãi 21.201.390 đồng.

2.2. Về án phí: Anh Nguyễn Thế D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị vay

vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số 05030803/KƯ ngày 26/12/2008 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số 05030803/KƯ ngày 26/12/2008, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngọ Thị Thanh Hảo